TỔNG CỤC THUẾ **CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10147 /CTHN-TTHT V/v chính sách thuế GTGT.	*Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021*

Kính gửi: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG
(Đ/c: Số 42+44 Ngụy Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội – MST: 0102023052)

Trả lời công văn số 06032021 nhận ngày 11/3/2021 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG (Sau đây gọi tắt là "Công ty") về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng

+ Tại khoản 21 Điều 4 quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT:

"21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ. Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị.

Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật."

+ Điều 14. Nguyên tắc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

"1. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của hàng hóa chịu thuế GTGT bị tổn thất.

...

7. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này không được khấu trừ...

- Căn cứ hướng dẫn tại khoản 9, 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn về nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

+ Tại Điểm a, Khoản 9 sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

"a) Sửa đổi khoản 2 Điều 14 như sau:

"2. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT. Cơ sở kinh

doanh phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được.

..."

+ Tại khoản 10 sửa đổi, bổ sung Điều 15 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 và Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính) quy định điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

+ Tại Khoản 1 Điều 1 Chương I quy định đối tượng áp dụng:

"1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu."

+ Tại Điều 5 quy định các loại thuế áp dụng:

"1. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là tổ chức kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là cá nhân nước ngoài kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này, thuế thu nhập cá nhân (TNCN) theo pháp luật về thuế TNCN.

3. Đối với các loại thuế, phí và lệ phí khác, Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo các văn bản pháp luật về thuế, phí và lệ phí khác hiện hành."

+ Tại Điều 6 quy định đối tượng chịu thuế GTGT

+ Tại Điều 7 quy định về đối tượng chịu thuế TNDN

+ Tại Điều 8 quy định đối tượng và điều kiện áp dụng phương pháp kê khai.

+ Tại Điều 11 quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng phương pháp kê khai trực tiếp.

+ Tại Điều 12 quy định về thuế GTGT của nhà thầu nước ngoài.

"...

1. Doanh thu tính thuế GTGT

a) Doanh thu tính thuế GTGT:

Doanh thu tính thuế GTGT là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

...

2. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh:

TT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5

b) Xác định tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với một số trường hợp cụ thể:

...

b.2) Đối với hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị có kèm theo các dịch vụ thực hiện tại Việt Nam, nếu tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ khi xác định số thuế GTGT phải nộp thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu của từng phần giá trị hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng không tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu tính thuế là 3%.

..."

+ Tại Điều 13 quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp trực tiếp.

"...

1. Doanh thu tính thuế TNDN:

a) Doanh thu tính thuế TNDN

Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

2. Tỷ lệ % để tính thuế TNDN trên doanh thu

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

TT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị; phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam {bao gồm cả cung cấp hàng hóa theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ (trừ trường hợp gia công hàng hóa cho tổ chức, cá nhân nước ngoài); cung cấp hàng hóa theo điều kiện giao hàng của Các điều khoản thương mại quốc tế - Incoterms}	1
...		

b) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với một số trường hợp cụ thể:

...

b.2) Đối với hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị có kèm theo các dịch vụ thuế hiện tại Việt Nam, nếu tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ thì tính thuế theo tỷ lệ thuế riêng của từng phần giá trị hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng không tách riêng được giá trị máy móc thiết bị và giá trị các dịch vụ thì áp dụng tỷ lệ thuế TNDN trên doanh thu tính thuế là 2%.

..."

- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ:

+ Tại điểm g khoản 1 Điều 4 quy định Nội dung trên hóa đơn đã lập:

"g) Tên hàng hóa, dịch vụ; đơn vị tính, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ; thành tiền ghi bằng số và bằng chữ. (Điểm này được sửa đổi bởi điểm a Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 119/2014/TT-BTC

Đối với hóa đơn giá trị gia tăng, ngoài dòng đơn giá là giá chưa có thuế giá trị gia tăng, phải có dòng thuế suất thuế giá trị gia tăng, tiền thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền phải thanh toán ghi bằng số và bằng chữ".

+ Tại điểm b khoản 2.6 Phụ lục 4 hướng dẫn lập hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ đối đối với một số trường hợp:

"1. Tổ chức nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ phải sử dụng hóa đơn GTGT. Khi lập hóa đơn tổ chức phải ghi đầy đủ, đúng các yếu tố quy định trên hóa đơn. Trên hóa đơn GTGT phải ghi rõ giá bán chưa có thuế GTGT, phụ thu và phí tính ngoài giá bán (nếu có), thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế.

Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, phương pháp khoán khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ phải sử dụng hóa đơn bán hàng.

2. Trong một số trường hợp việc sử dụng và ghi hóa đơn, chứng từ được thực hiện cụ thể như.sau:

2.1. Tổ chức nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế bán hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, đối tượng được miễn thuế GTGT thì sử dụng hóa đơn GTGT, trên hóa đơn GTGT chỉ ghi dòng giá bán là giá thanh toán, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ.

..."

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng nhập mua hàng hóa với đối tác nước ngoài gồm phần mềm (bản quyền phần mềm); Đĩa CD và giấy tờ ghi mã sử dụng thì:

Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC. Đối với hàng hóa nhập khẩu nếu đáp ứng quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT tại Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC thì được khấu trừ theo quy định.

Trường hợp tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì phải kê khai nộp thuế theo hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư 103/2014/TT-BTC. Nếu Nhà thầu nước ngoài không đủ điều kiện để kê khai thuế trực tiếp tại Việt Nam theo quy định thì Công ty (bên

mua hàng tại Việt Nam) có trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

Trường hợp hợp đồng tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị các dịch vụ kèm theo thì Công ty áp dụng tỷ lệ (%) để tính thuế nhà thầu (thuế GTGT, thuế TNDN) theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Thông tư 103/2014/TT-BTC.

Khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, Công ty phải lập hóa đơn, ghi đầy đủ, đúng các yếu tố quy định trên hóa đơn theo hướng dẫn tại Điều 4, Phục lục 4 ban hành kèm Thông tư số 39/2014/TT-BTC nêu trên.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế hoạt động, đối chiếu với các quy định pháp luật để xác định thuế suất đối với các mặt hàng nhập khẩu và đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật nêu trên để thực hiện đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện chính sách thuế, trường hợp còn vướng mắc, Công ty có thể tham khảo các văn bản hướng dẫn của Cục Thuế TP Hà Nội được đăng tải trên website **http://hanoi.gdt.gov.vn** hoặc liên hệ với Phòng Thanh tra - Kiểm Tra số 5 để được hỗ trợ giải quyết.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Quốc gia ADG được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Phòng NVDTPC;
- Phòng TTKT5;
- Web site Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT(2).

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Trường